TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS-PT
Ngày: 13-3-2018
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 344/2017/QĐ-PT ngày 29/12/2017; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 13/2018/QĐ-PT ngày 29/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1952; địa chỉ: Xóm 2, thôn 14, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Tín:

Ông Nguyễn Văn D– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1950; địa chỉ: 10/3/8 tổ 1, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trần Vĩnh Th, sinh năm: 1950; địa chỉ: 10/3/8 tổ 1, Phường 1, thành

phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Minh Th, sinh năm: 1975; địa chỉ: 26/3 Hải Th, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Tr, sinh năm: 1955; Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1982; Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Hữu Hoàng M, sinh năm: 1954; Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Minh D, sinh năm: 1986; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Xóm 2, thôn 14, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

7. Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn 14, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

8. Anh Vũ Thế L, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 79 Mạc Thị B, xã Lộc Th, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Hữu T - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ngày 29/12/2009, giữa ông T, bà Tr, anh M và ông Th, bà Y có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các thửa 26, 03, 58 tờ bản đồ số 14, 15, tọa lạc tại xã Đ, thị xã B(nay là thành phố B), tỉnh Lâm Đồng, với tổng diện tích 14.379m^2 với giá 80.000.000 đồng, hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Lâm Đồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vô hiệu, với các lý do sau:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên bị lừa dối vì khi đến phòng công chứng để ký hợp đồng thì ông, vợ và con ông bị anh Thắng là con rể của bà Ynói dối là ký hợp đồng để vay tiền nên ông và vợ, con ông ký chứ ông không biết đây là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trước khi ký ông và các thành viên trong gia đình không được đọc văn bản công chứng.

Ông T cho rằng với diện tích đất 14.379m^2 của ông thì giá 80.000.000 đồng là không phù hợp với giá đất chuyển nhượng thực tế tại địa phương; ngoài ra, tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gia đình ông có 5 người nhưng chỉ có 3 người ký là không đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản ngày 10/7/2017, ông Tyêu cầu ông Thắng, bà Ybồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 100.000.000 đồng; thu nhập bị mất do không thu được chè, cà phê trong 8 năm là 1.120.000.000 đồng. Cộng các khoản là 1.340.000.000 đồng, trừ số tiền ông nhận của bà Y là 85.000.000 đồng, còn lại 1.255.000.000 đồng thì ông T buộc bà Y, anh Th phải bồi thường cho ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Ngày 29/12/2009, giữa ông Th, bà Y và ông T, bà Tr (vợ ông T), anh M (con ông T, bà Tr) ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.031m^2; thửa số 03, tờ bản đồ số 15 diện tích 5.396m^2; thửa số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.953m^2 với giá chuyển nhượng là 80.000.000 đồng. Hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Lâm Đồng Đồng. Khi ký hợp đồng các bên đều tự nguyện và cam đoan hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại thời điểm công chứng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên giao kết đã đọc lại hợp đồng, đồng ý toàn bộ nội dung trong hợp đồng trước khi ký. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vô hiệu thì bà không đồng ý vì bà cho rằng hợp đồng trên là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tr, anh Nguyễn Hữu Hoàng Mi, chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Minh D trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông Tín.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Vĩnh Th trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà Yến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Minh Th trình bày:

Anh hoàn toàn không liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà Tr, anh M và bà Y, ông Th. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Thế L trình bày:

Năm 2010, anh có nhận chuyển nhượng của ông Thạch, bà Y thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.031m^2 và thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích 6.953m^2 với giá 135.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng giữa ông Thạch, bà Y và anh Llà hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Hiện anh L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay, anh không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh H trình bày:

Anh có nhận chuyển nhượng diện tích đất 5.395m^2 thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 15 vào năm 2011, với giá 130.000.000 đồng của người có tên là Nguyễn Bảo Đương, hiện nay không rõ địa chỉ của ông Đương. Khi mua hai bên có công chứng hợp pháp, hiện anh Hđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Thanh H. Từ khi nhận chuyển nhượng anh H sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà Tr, anh M và ông Th, bà Y vô hiệu thì anh không đồng ý vì việc chuyển nhượng trên không liên quan đến anh,

anh nhận chuyển nhượng đất hợp pháp với ông Đương theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn bà Yến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th, anh Th, anh M, bà Tr, chị L, chị D, anh H, anh L vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 và Quyết định số 04/QĐ-SCBSBA ngày 25/8/2017 về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T về việc "*Tranh chấp yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Tr, anh Nguyễn Hữu Hoàng Mi và ông Trần Vĩnh Th, bà Nguyễn Thị Y vô hiệu*".

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/8/2017 và ngày 01/9/2017, ông Nguyễn Hữu T kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nói trên của Tòa án nhân dân thành phố B; xem xét và giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Tvẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Tlà ông Dũng đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Về phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Tín; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; các quy định của pháp luật; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th, anh Th, bà Tr, chị L, anh M, chị D, anh H, anh Lđã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào

Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Xuất phát từ việc nguyên đơn ông Tcho rằng việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông T và gia đình bà Y là bị lừa dối, giá chuyển nhượng không phù hợp với giá thực tế tại địa phương nên yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông và gia đình bà Y vô hiệu và yêu cầu bà Y phải bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe và tài sản. Còn bị đơn bà Y thì lại cho rằng việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là hợp pháp, đã được công chứng theo quy định của pháp luật nên không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tín. Vì vậy, hai bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Tín:

[3] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tín, bà Trúc, anh Minh và bà Y, ông Th được Phòng công chứng số 2 tỉnh Lâm Đồng thực hiện việc công chứng vào ngày 29/12/2009, hợp đồng này được lập thành văn bản và được công chứng theo quy định của pháp luật nên về hình thức của hợp đồng là đảm bảo đúng quy định của pháp luật (bút lục số 18-22).

[4] Ông Tcho rằng do ông bị lừa dối nên mới ký hợp đồng chuyển nhượng nói trên nhưng lại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc mình bị lừa dối, trong khi hai bên thực hiện ký kết hợp đồng thì đều có đủ năng lực hành vi dân sự. Bên cạnh đó theo kết quả điều tra, xác minh của cơ quan có thẩm quyền cũng đã kết luận việc ông Ttố cáo anh Thắng có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông là không có căn cứ. Bởi lẽ, do ông T có đơn tố cáo ông Vũ Minh Th – Cán bộ tín dụng Ngân hàng chính sách xã hội thành phố B cấu kết với bà Nguyễn Thị Y lừa đảo chiếm đoạt tài sản (03 thửa đất) của gia đình ông. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 42/QĐ ngày 13/9/2011, do ông Tcó đơn khiếu nại đối với quyế định này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 257 ngày 09/11/2011 giữ nguyên quyết định không khởi tố vụ án số 42/QĐ ngày 13/9/2011; ông Ttiếp tục khiếu nại đối với các quyết định nêu trên nên VKSND thành phố B ban hành quyết định số: 03/QĐ-VKS ngày 25/11/2011 với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Tđối với quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 257 ngày 09/11/2011 giữ nguyên quyết định không khởi tố vụ án số 42/QĐ ngày 13/9/2011 (bút lục số 228).

Ngoài ra, ông T cho rằng ông không được đọc lại nội dung của hợp đồng chuyển nhượng nhưng theo tài liệu thể hiện thì thấy rằng tại trang cuối của hợp đồng chuyển nhượng nói trên thì đại diện hai bên có viết và ký xác nhận với nội

dung "Chúng tôi đã đọc và đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng" (bút lục số 19).

[5] Hơn nữa, theo tài liệu có tiêu đề "*giấy bán đất*" được viết bằng tay với nội dung: Ngày 26/12/2009, giữa ông T, bà Tr, anh M và ông Th, bà Y có thực hiện việc sang nhượng đất cho nhau tổng diện tích là 14.379m^{2}với giá 80.000.000đồng và có viết giấy tờ tay với nhau với nội dung "Tôi Nguyễn Hữu T đã đọc giấy bán đất và vợ tôi là Phạm Thị Tr đồng ý ký tên" có chữ ký xác nhận của ông T, bà Trvà con trai của ông T, bà Tr là anh M (bút lục số 57).

Như vậy, có căn cứ xác định giữa ông T và bà Y có thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thực tế và ông T biết việc mình có chuyển nhượng đất cho bà Y và việc chuyển nhượng đất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện.

[6] Ông T cho rằng giá chuyển nhượng 80.000.000 đồng là không đúng với giá thực tế chuyển nhượng tại địa phương và ông Tcho rằng ông không được nhận số tiền này, theo quy định của pháp luật thì việc thỏa thuận về giá theo hợp đồng do hai bên tự nguyện, không bị ép buộc, theo tài liệu là "giấy bán đất" (bút lục số 57) thể hiện ông T, bà Tr đã nhận đủ số tiền 80.000.000 đồng, nhận một lần vào ngày 26/12/2009. Bên cạnh đó, ông Tcũng thừa nhận chữ viết và chữ ký Nguyễn Hữu T trong giấy bán đất là chữ viết, chữ ký của ông. Ngoài ra, ông T cũng thừa nhận trong giấy bán đất viết tay còn có chữ viết và chữ ký của vợ ông là bà Tr và con ông là anh M. Theo văn bản ngày 10/7/2017 ông Tthừa nhận có nhận của bà Y số tiền 85.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T khai nhận với nội dung: "*Vào thời điểm năm 2009 gia đình ông Tcó nợ Ngân hàng chính sách xã hội tại thành phố B số tiền 46.000.000 đồng, nợ Ngân hàng dâu tằm tơ tại thành phố B số tiền 36.000.000 đồng. Do đó, khi ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà Y thì dùng số tiền chuyển nhượng đất 80.000.000 đồng để trả nợ cho hai ngân hàng này*". Mặt khác, ông Tcũng thừa nhận tại thời điểm chuyển nhượng đất năm 2009 thì đường đi vào lô đất chuyển nhượng chỉ là đường đất nhỏ chỉ đi được xe máy cày vì đường dốc và xấu, nhưng sau khi xây thủy điện thì nhà nước mở đường to như hiện nay. Như vậy, có căn cứ xác định giá trị đất chuyển nhượng có biến động tăng là do thời gian và nhà nước mở đường xây dựng nhà máy thủy điện chạy qua lô đất.

Như vậy, có căn có xác định giá chuyển nhượng đất hai bên tự nguyện thỏa thuận là 80.000.000 đồng, bà Yđã thanh toán đầy đủ số tiền này cho gia đình ông Tín.

[7] Đối với việc ngày 10/7/2017, ông Tyêu cầu bà Y, anh Th bồi thường thiệt hại về tinh thần, tài sản với số tiền 1.255.000.000 đồng thì thấy rằng ngày 19/4/2017 Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (bút lục số 121, 122) nên yêu cầu này của nguyên đơn phát sinh sau thời điểm kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và Tòa

án cấp sơ thẩm không xem xét, do đó Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thể giải quyết trong vụ án này nên không có căn cứ để chấp nhận.

Với những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Tín, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn ông Tcó đơn yêu cầu thẩm định giá lại tài sản tranh chấp và đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định giá tài sản là 10.610.000 đồng, do yêu cầu kháng cáo của ông Tkhông được chấp nhận nên ông Tphải chịu toàn bộ chi phí này và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thanh quyết toán xong.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Tphải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là công dân Việt Nam, thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 và Quyết định số 04/QĐ-SCBSBA ngày 25/8/2017 về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B về việc "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu"* giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T; bị đơn bà Nguyễn Thị Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Vĩnh Th, anh Vũ Minh Th, bà Phạm Thị Tr, chị Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Hữu Hoàng Mi, chị Nguyễn Thị Minh D, anh Trần Thanh H, anh Vũ Thế L, cụ thể như sau:

Căn cứ vào Điều 697, 698 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T về việc "Tranh chấp yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Tr, anh Nguyễn Hữu Hoàng M và ông Trần Vĩnh Th, bà Nguyễn Thị Y vô hiệu".

2. Về chi phí tố tụng khác (chi phí thẩm định giá tài sản): Ông Nguyễn Hữu T phải chịu chi phí thẩm định giá tài sản là 10.610.000 đồng, ông T đã nộp đủ chi phí thẩm định giá tài sản và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thanh quyết toán xong.

3. Về án phí dân sự (sơ thẩm và phúc thẩm):

Ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000672 ngày 24/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Hữu Nhân